

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Trần Đăng Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520<sup>a</sup>/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1133/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T1; nơi cư trú: Xóm G, thôn Q, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt

**- Bị đơn:** Anh Lê Sơn T2; nơi cư trú tại Việt Nam: Xóm G, thôn Q, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú hiện tại: Phần Lan. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 01/3/2018, Bản tự khai ngày 20/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày: Năm 2011, chị Lê Thị T1 và anh Lê Sơn T2 quen biết nhau qua một người thân giới thiệu. Sau một thời gian tìm hiểu đến ngày 01/6/2012 chị T1 và anh T2 đi đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Hai bên gia đình có tổ chức lễ

cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị T1 và anh T2 chung sống với nhau được hai tuần thì sau đó anh T2 sang Phần Lan sinh sống, thời gian đầu hai người vẫn liên lạc nhưng sau đó ít dần do xảy ra mâu thuẫn và không liên lạc với nhau từ năm 2017. Bên Phần Lan, anh T2 có quan hệ ngoại tình với một người đàn bà khác và cũng đã có con. Do vậy, chị T1 nhận thấy không còn tình cảm với anh T2 nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T2.

Về con chung, tài sản chung không có nên chị T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Sơn T2 theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng không có kết quả. Vì vậy, không có lời khai của anh Lê Sơn T2.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T1 giữ nguyên quan điểm như trình bày tại đơn khởi kiện và không biết địa chỉ hiện tại của anh T2 ở Phần Lan.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy nguyên đơn chị Lê Thị T1 không còn tình cảm với bị đơn anh Lê Sơn T2 và cuộc sống chung giữa hai người không còn tồn tại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T1 được ly hôn với anh T2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn và bị đơn anh Lê Sơn T2 là người Việt Nam định cư ở Phần Lan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nhận thấy quan hệ pháp luật là ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Sơn T2 tại Phần Lan theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng không có kết quả và Tòa án cũng đã đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Phần Lan niêm yết các văn bản tố tụng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán. Ngày 11/3/2019, Tòa án mở phiên tòa lần một anh Lê Sơn T2 vắng mặt. Sau đó, Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo mở lại phiên tòa tại trụ sở Tòa án và tại gia đình người thân của anh T2 tại Việt Nam và đã giao bản sao Thông

báo mở lại phiên tòa cho người thân của anh T2. Mặt khác, sau khi hoãn phiên tòa lần một Tòa án đã hai lần tiến hành xác minh địa chỉ của anh Lê Sơn T2 ở Phần Lan tại gia đình người thân của anh T2 tại Việt Nam nhưng người thân của anh T2 không biết địa chỉ của anh T2. Tại phiên tòa lần hai, bị đơn anh Lê Sơn T2 vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Sơn T2.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 01/6/2012. Căn cứ Điều 9, 11, 102, 103 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Sửa đổi, bổ sung năm 2010) xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, chị T1 và anh T2 chung sống với nhau được hai tuần thì anh T2 sang Phần Lan sinh sống. Do khoảng cách về địa lý nên tình cảm giữa hai người ngày một phai nhạt và hai người có nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay, chị T1 và anh T2 không còn liên lạc với nhau. Mặt khác, anh T2 bên Phần Lan đã có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và cũng đã có con. Hơn nữa, chị T1 cũng không còn tình cảm với anh T2. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T1 và anh T2 không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T1 được ly hôn với anh T2.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung: Chị T1 và anh T2 không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Chị T1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Lê Sơn T2.

2. Về con chung, tài sản chung không có và chị Lê Thị T1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000đ (*Bai trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Bai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T1 đã nộp theo Biên lai số 0010643, ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị T1 đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Sơn T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dương**